TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HS-ST
Ngày 18-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Khoa và bà Bùi Thuý Mở

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:* Bà Hoàng Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1978 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố L, phường L, thành phố T, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Công chức địa chính; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn X và bà Phạm Thị Y; có vợ là Trần Lệ A (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33/QĐ-XPHC ngày 23/01/2016 của Công an huyện T về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt ngày 24/02/2016 (được coi như chưa bị xử phạt hành chính); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 01/11/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T:* Bà Nguyễn Thị Thanh H – Luật sư Công ty L; địa chỉ: Số A, L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị hại:*

+ Anh Bùi Văn K, nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố A, phường P, thành phố T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T1; nơi cư trú: Phường V, Quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 13/5/2024 và 30/8/2024, cơ quan Công an huyện T nhận được đơn trình báo sự việc của anh Bùi Văn K về việc bị Đặng Văn T chiếm đoạt 60.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn T1 về việc bị Đặng Văn T chiếm đoạt 113.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Văn T khai nhận: T là công chức địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường công tác tại UBND xã N (nay là UBND phường P), thành phố T, thành phố Hải Phòng từ ngày 02/3/2022. Đến tháng 5/2023, T chuyển công tác sang UBND xã G (nay là UBND xã B), thành phố T, thành phố Hải Phòng. Quá trình công tác tại UBND xã N (nay là phường P), T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND xã G (nay là xã B, thành phố T) cụ thể như sau: "Tham mưu, giúp việc UBND cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật". Quá trình công tác, T đã nhận 60.000.000 đồng của anh Bùi Văn K và 113.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T1. T1 trao đổi với anh K và anh T1 đây là kinh phí lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 8 năm 2022, anh Bùi Văn K đến gặp T1 để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đối với thửa đất số 189, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã N (nay là Tổ dân phố A, phường P), thành phố T. T1 yêu cầu K đưa 60.000.000 đồng, anh K đồng ý đưa tiền cho T1. Sau khi nhận tiền, T1 sử dụng hết vào mục đích cá nhân, không hoàn thiện thủ tục lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa cho anh K. Anh K nhiều lần liên hệ yêu cầu T1 trả số tiền trên. Tháng 01/2024, T1 trả anh K 40.000.000 đồng sau đó không trả số tiền còn lại. Sau khi anh K trình báo cơ quan công an, T1 đã trả hết số tiền còn lại cho anh K.

Lần thứ hai: Vào đầu tháng 8/2022, anh Nguyễn Văn T1 đến gặp T1 để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn A xã N (nay là Tổ dân phố A, phường P), thành phố T. T1 yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 đưa 113.000.000 đồng kinh phí lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Nguyễn Văn T1 đồng ý và chuyển 113.000.000 đồng cho T1. Sau khi nhận tiền, T1 sử dụng hết vào mục đích cá nhân và không làm hồ sơ

cấp giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn T1. Sau khi anh Nguyễn Văn T1 trình báo cơ quan công an, T1 đã trả hết số tiền trên cho anh Nguyễn Văn T1.

Biên bản làm việc ngày 29/8/2024, UBND xã N (nay là UBND phường P), thành phố T cung cấp thông tin như sau: Khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND xã N công dân không mất chi phí. Việc Đặng Văn T nhận tiền của anh K và anh Nguyễn Văn T1 để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã N không biết. Khi chuyển công tác, Đặng Văn T có bàn giao 01 hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa của anh Bùi Văn K nhưng chưa hoàn thiện đầy đủ các thủ tục (thiếu trích đo thửa đất). Đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã N (nay là tổ dân phố A phường P), thành phố T hiện UBND xã N không có hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên.

Công văn số 3089/UBND-TTr ngày 04/10/2024 của UBND huyện T (nay là UBND thành phố T) cung cấp thông tin như sau: UBND huyện T chưa nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận đối với hai thửa đất nêu trên nên chưa có cơ sở xem xét về việc cấp Giấy chứng nhận.

Tại Cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn K và anh Nguyễn Văn T1 đã nhận lại tiền, không có yêu cầu đề nghị gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và khai: Quá trình công tác tại UBND xã N bị cáo được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp việc UBND cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường, xây dựng, đô thị,

giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật, không được giao nhiệm vụ và không có quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị cáo đã nhận của anh Bùi Văn K 60.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn T1 số tiền 113.000.000 đồng để làm kinh phí lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền của anh K và anh Nguyễn Văn T1 bị cáo không làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai anh mà sử dụng hết số tiền vào mục đích cá nhân. Khi bị bắt, bị cáo đã hoàn trả lại anh K và anh Nguyễn Văn T1 số tiền nêu trên.

Bị hại anh Bùi Văn K vắng mặt tại phiên toà, không có ý kiến bổ sung, xác nhận đã nhận lại đủ tiền không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại anh Nguyễn Văn T1 có mặt tại phiên toà, xác nhận lời khai của bị cáo là đúng, không có ý kiến bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo: Đồng ý với cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng chính sách hình sự khoan hồng đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối hận, xin lỗi bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với nội dung kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Trong tháng 8 năm 2022, bị cáo Đặng Văn T với chức danh Công chức địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng tại UBND xã N, huyện T (nay là UBND phường P, thành phố T), không được giao nhiệm vụ và không có quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã có hành vi nhận số tiền 173.000.000 đồng trong đó số tiền của anh Bùi Văn K 60.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn T1 113.000.000 đồng làm kinh phí lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không làm mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm hoạt động đúng đắn của Nhà nước, tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan Nhà nước, tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Đặng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Bị cáo Đặng Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản của anh K và anh Nguyễn Văn T1. Vì vậy, bị cáo T1 phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự với 02 tình tiết định khung tại điểm c "phạm tội 02 lần trở lên" và điểm d "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng".

- Về hình phạt:

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo có ông nội và bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự tuy nhiên ngày 24/02/2016 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, ngày 24/02/2016 bị cáo đã nộp tiền phạt (được coi như chưa bị xử phạt hành chính) nhưng vẫn được coi là có nhân thân không tốt.

[6] Xét bị cáo T1 có nhân thân không tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần với lỗi cố ý trực tiếp nên để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, cần xử lý

nghiêm và áp dụng đối với bị cáo một hình phạt thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Theo khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự bị cáo phải chịu hình phạt tù với mức từ 06 năm đến 13 năm. Từ nhận định [4], [5], [6], mặc dù bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[8] Ngoài hình phạt chính, bị cáo T1 còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 355 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có tài sản riêng, hiện nay UBND thành phố T đã có Quyết định cho bị cáo nghỉ việc, vì vậy miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn K và anh Nguyễn Văn T1 đã nhận lại tiền, không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[10] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 355; Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 01/11/2024.

2. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an TP Hải Phòng;
- CQTHAHS- Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA DS thành phố Thuỷ Nguyên;
- Phòng hồ sơ CA TP Hải Phòng (PV06);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an TP Hải Phòng;
- CQTHAHS- Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA DS thành phố Thuỷ Nguyên;
- Phòng hồ sơ CA TP Hải Phòng (PV06);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an thành phố Thuỷ Nguyên;
- CQTHAHS- Công an thành phố Thuỷ Nguyên;
- Phòng PV06- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA DS thành phố Thuỷ Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh